

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10-4-2018

V/v “Ly hôn,

– Trương D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Diệp và ông Nguyễn Duy Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đăng Khoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 10/4/2018, tại Hội trường tiểu khu 2, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 97/2017/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST- HNGĐ ngày 22/3/2018 của Toà án nhân dân huyện Triệu Phong giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thu S, sinh năm 1995; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn Giáo Liêm, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Hiện trú tại: Thôn Nam Tân, xã Gio Sơn, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

Bị đơn: Ông Trương D, sinh năm 1979; Nơi đăng ký nhân khẩu và trú tại: Thôn Giáo Liêm, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2017 và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay thì nội dung vụ án như sau: Bà Bùi Thị Thu S với ông Trương D yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có cưới nhau, đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 22/3/2016. Sau khi cưới nhau, bà S và ông D chung sống với nhau tại nhà ông D ở thôn Giáo Liêm, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Sống với nhau được một thời gian ngắn thì hai vợ chồng về sống chung với mẹ bà S tại: Thôn Nam Tân, xã Gio Sơn, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị từ đó cho đến tháng 3 năm 2017 và có với nhau một người con chung. Đến khoảng đầu tháng 4 năm 2017, thì vợ chồng bà Sương phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông D thường xuyên chửi bới, gây gổ thậm chí

còn đánh đập bà S. Vì thương con nên bà S cố gắng chịu đựng với mong muốn cải thiện được tình cảm vợ chồng cùng sống chung nuôi dạy con cái. Do mâu thuẫn vợ chồng giữa bà S và ông D kéo dài mà bà S, ông D không khắc phục được nên từ đầu tháng 4 năm 2017, ông D về quê mình là thôn Giáo Liêm, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong sinh sống từ đó cho đến nay. Từ khi ông D về quê sinh sống thì hai vợ chồng không liên lạc gì với nhau, thỉnh thoảng ông D có đến thăm con nhưng vợ chồng cũng không khắc phục được mâu thuẫn nên bà S và ông D không còn quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau. Theo bà S, ông D sống không có trách nhiệm với vợ, con và gia đình thậm chí có khi còn đánh đập bà S. Với những lý do đó, bà S thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên S làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trương D.

Về con chung: Trong quá trình sống chung với nhau ông D và bà S có một người con chung là cháu Trương Nhật M, sinh ngày 15/9/2016, hiện tại cháu M đang ở với bà S tại thôn: Nam Tân, xã Gio Sơn, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Nếu ly hôn bà S có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Trương Nhật M cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong đơn khởi kiện bà S có yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa hôm nay bà S không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi cháu M với lý do là ông D sống không có trách nhiệm với con cái nên có yêu cầu thì cũng khó thi hành được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 30/11/2017 và tại phiên hòa giải ngày 06/12/2017, ông D trình bày: Ông với bà S yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, cưới nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 22/3/2016. Sau khi cưới nhau, hai vợ chồng chung sống với nhau tại nhà của ông D ở thôn Giáo Liêm, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị được 03 ngày thì hai vợ chồng lên sống với gia đình mẹ vợ tại thôn Nam Tân, xã Gio Sơn, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Trong quá trình chung sống với nhau kể từ khi kết hôn cho đến tháng 3 năm 2017 thì vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Nhưng đến tháng 4 năm 2017, thì xảy ra mâu thuẫn giữa ông D với mẹ của bà S nhưng không có gì lớn, chỉ là những chuyện trong sinh hoạt hàng ngày. Tuy nhiên bà S không thông cảm cho ông D khi ông D đến ở cùng gia đình bên vợ nên ông D thấy cuộc sống vợ chồng không được thoải mái. Xuất phát từ nguyên nhân đó nên ông D xin phép mẹ vợ cho vợ chồng ông về sống với nhau tại nhà của mình ở thôn Giáo Liêm, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vì nhà không có ai trông coi. Khi ông D đề nghị như vậy thì bà S và mẹ bà S không đồng ý, nên từ tháng 4 năm 2017, ông D về sống một mình tại nhà riêng của mình ở thôn Giáo Liêm, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị còn bà S và cháu M vẫn ở lại sống với gia đình mẹ bà S tại thôn Nam Tân, xã Gio Sơn, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị từ đó cho đến nay. Theo ông D từ khi cưới cho đến nay, ông D chưa lần nào đánh đập vợ con, luôn luôn thương yêu vợ con nhưng do bà S nghe lời mẹ mình nên mới phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy, ông D đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Quá trình sống chung với nhau, ông D và bà S có một người con chung là cháu Trương Nhật M, sinh ngày 15/9/2016. Nếu ly hôn ông D có nguyện vọng được nuôi cháu M và không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp bà S nuôi con thì ông D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự thì: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn thì chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho bà S được ly hôn với ông D; về con chung: Áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Trương Nhật M, sinh ngày 15/9/2016 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, không tuyên cấp dưỡng nuôi con vì bà S không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: không có; bà S chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong tiến hành tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án cho ông Trương D, ông D có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án vào ngày 30/11/2017, Tòa án đã tổ chức phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/12/2017 theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không thành. Ngày 15/1/2018, Tòa án ra thông báo hòa giải lần 2 vào ngày 19/1/2018 và tổng đạt cho các bên đương sự theo đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Ngày 19/1/2018, Tòa án tiến hành hòa giải lần hai nhưng phía ông D không đến tham gia hòa giải nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được với sự chứng kiến của bà S. Ngày 05/3/2018, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt cho các bên đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 22/3/2018, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong mở phiên tòa xét xử vụ án, nhưng ông D vắng mặt lần đầu không có lý do nên Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định đến ngày 10/4/2018 xét xử lại vụ án và niêm yết quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, ông D vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Hôn nhân giữa bà Bùi Thị Thu S và ông Trương D là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 22/3/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà S sống chung với nhau tại nhà riêng của ông D ở thôn Giáo Liêm, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong được một thời gian ngắn thì chuyển ra ở với gia đình bà S tại thôn: Nam Tân, xã Gio Sơn, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị từ đầu tháng 4 năm 2016 cho đến đầu tháng 4 năm 2017 và có với nhau một người con chung. Trong quá trình chung sống, ông D không quan tâm chăm sóc vợ con, hay thể hiện tính tự ái vì sống cùng gia đình vợ nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Bà S đã nhiều lần khuyên bảo ông D, sống không nên tự ái vì: Vợ chồng sống ở đâu phù hợp với cuộc sống để nuôi dạy con cái là được nhưng ông D không nghe mà tỏ thái độ bất cần với lời khuyên của bà S. Điều này được thể hiện tại văn bản trình bày ý kiến của ông D vào ngày 30/11/2017 và tại biên bản hòa giải ngày 06/12/2017 là: Từ tháng 4 năm 2017, ông D bỏ mặc mẹ con bà S để vào quê của mình tại Triệu Độ sinh sống. Trong thời gian ông D về quê sinh sống thì ông D cũng không quan tâm thăm hỏi gì mẹ con bà S, thả mặc cho bà S tự lo liệu cuộc sống của hai mẹ con, thỉnh thoảng ông D có ra thăm con nhưng mỗi lần ra thì vợ chồng lại gây gổ nhau. Mặc dù tại phiên tòa hôm nay, không có mặt ông D nhưng qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xác minh tại UBND xã Triệu Độ vào ngày 21/1/2018; lời trình bày của bà S tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy: Việc bà S xin ly hôn ông D là do ông D không quan tâm chăm sóc vợ con, không chịu khó với hoàn cảnh sống của vợ chồng để cùng nhau xây dựng hạnh phúc phúc gia đình nuôi dạy con cái. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn vợ chồng của bà Sương và ông D đã đến mức trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà S, xử cho bà S được ly hôn với ông D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Trong bản trình bày ý kiến của ông D và tại buổi hòa giải ngày 06/12/2017, ông D cho rằng mình còn thương yêu vợ con và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông D không có giải pháp nào để chứng minh cho yêu cầu đó của mình là có căn cứ để thuyết phục bà S. Điều này được thể hiện: Khi Tòa án ra thông báo hòa giải lần hai vào ngày 19/1/2018, thì ông D vẫn không có mặt để tham gia hòa giải, do đó đề nghị của ông D về đoàn tụ vợ chồng là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà S và ông D có một người con chung là cháu Trương Nhật M, sinh ngày 15/9/2016. Về việc nuôi con, Hội đồng xét xử thấy: Trong đơn khởi kiện và lời trình bày của bà S tại phiên tòa hôm nay thì bà S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con với lý do: Bà S là người đã trực tiếp nuôi cháu M từ nhỏ cho đến nay, hiện tại cháu đang được bà S nuôi dưỡng và cháu M chưa đủ ba mươi sáu tháng tuổi nên cần giao cháu M cho bà S nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Bà S không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông D được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này theo quy định tại Điều 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Bùi Thị Thu S nộp đơn ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình:

- Về tình cảm: Xử cho bà Bùi Thị Thu S được ly hôn ông Trương D.

- Về con chung: Xử giao cháu Trương Nhật M, sinh ngày 15/9/2016 cho bà Bùi Thị Thu S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà S không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Ông D được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc bà Bùi Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004255 ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong (bà Bùi Thị Thu S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho bà Bùi Thị Thu S biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án trên một cấp để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Ông Trương D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- UBND xã Triệu Độ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

Nguyễn Xuân Hải